Mẫu 60:71M:r14A

Mẫu này chỉ áp dụng cho các đơn xin cấp giấy phép khai thác nước ngầm tại Khu vực Kiểm soát Nước Nông thôn Darwin, nơi trước đây được miễn các yêu cầu cấp phép cho việc lấy nước, theo quy định trong Quy chế 14A.

Việc nộp đơn xin cấp giấy phép theo mẫu này sẽ hết hạn vào **ngày 31 tháng 7 năm 2025** theo quy chế 14A(1)(e).

## Hướng dẫn (Instructions)

Nếu quý vị có bất cứ thắc mắc nào, vui lòng gửi email đến water.licensing@nt.gov.au hoặc gọi số (08) 8999 4455.

Để đảm bảo đánh giá và giải quyết hiệu quả đơn xin này, vui lòng:

1. Trả lời tất cả các câu hỏi được yêu cầu.
2. Khi được yêu cầu đính kèm tài liệu, cung cấp tên đầy đủ của tài liệu đính kèm trong trường tên tệp trong mẫu đơn này. Nếu được gộp vào trong một tài liệu lớn hơn, vui lòng xác định các trang liên quan trong tài liệu đó trong mẫu đơn này.
3. Xem lại mẫu đơn sau khi hoàn thành và các tài liệu hỗ trợ để đảm bảo chúng ngắn gọn, đầy đủ, phù hợp và chính xác.

## Nộp mẫu đơn này ở đâu và như thế nào (Where and how to submit this form)

Gửi email mẫu đơn đã điền của quý vị tới water.licensing@nt.gov.au

## Ý nghĩa của các biểu tượng trong mẫu đơn này (Meaning of icons in this form)

🛈 Thông tin quan trọng để hỗ trợ quý vị điền mẫu đơn này.

🖉 Hiển thị một hướng dẫn điền mẫu đơn này.

🗎 Hiển thị một tài liệu hoặc chứng cứ hỗ trợ cần cung cấp kèm theo mẫu đơn này.

🕮 Hiển thị một định nghĩa có trong phần chú thích ở cuối trang.

## Thông báo về thu thập và quyền riêng tư (Collection notice and privacy)

Các chi tiết quý vị cung cấp trong đơn này có thể được công bố trên trang mạng giấy phép khai thác nước của Lãnh thổ phía Bắc. Nếu có bất cứ câu hỏi nào về cách thông tin cá nhân của quý vị sẽ được xử lý hoặc muốn truy cập vào thông tin cá nhân của mình, quý vị có thể liên lạc với Ban Tài nguyên Nước thuộc Bộ Môi trường, Công viên và An ninh Nước. Chính phủ Lãnh thổ phía Bắc tuân thủ [Nguyên tắc Bảo mật Thông tin](https://legislation.nt.gov.au/en/Legislation/INFORMATION-ACT-2002#page=109&zoom=auto,88,747) được quy định trong [*Luật Thông tin 2002*](https://legislation.nt.gov.au/en/Legislation/INFORMATION-ACT-2002)([[1]](#footnote-2)🕮). Để biết thêm thông tin, vui lòng đọc [chính sách bảo mật](https://depws.nt.gov.au/consultation-publications/privacy-policy) ([[2]](#footnote-3)🕮) của chúng tôi.

## Trách nhiệm của người nộp đơn (Applicant’s responsibilities)

Nếu đơn của quý vị không có đầy đủ thông tin để có thể đưa ra quyết định phù hợp, bộ có thể trả lại đơn để quý vị hoàn thiện. Vui lòng sử dụng danh mục kiểm tra được cung cấp để đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu và đơn của quý vị hoàn chỉnh.

Chỉ những đơn hoàn chỉnh với đầy đủ thông tin để có thể đưa ra quyết định phù hợp mới được chấp nhận và xử lý sau đó.

Quý vị phải cung cấp bằng chứng được liệt kê (🗎) để hỗ trợ đơn của mình.

## Đủ điều kiện (Eligibility)

🛈 Chỉ có thể sử dụng đơn này khi đáp ứng các tiêu chí sau. Nếu quý vị không thể trả lời đồng ý cho tất cả các câu hỏi dưới đây, quý vị không thể sử dụng mẫu này.

Vui lòng liên lạc với bộ phận Quy chế Nước số 8999 4455 nếu quý vị muốn thảo luận về các yêu cầu của mình.

|  |
| --- |
| 1. **Quý vị có đủ điều kiện để xin cấp giấy phép nước ngầm cho một hoạt động được miễn hay không? (Are you eligible to apply for a groundwater licence for an exempt activity?)**
* Đánh dấu tích (✓) vào câu trả lời phù hợp
 |
| Giấy phép dự kiến sẽ nằm trong Khu vực Kiểm soát Nước Nông thôn Darwin ([[3]](#footnote-4)🕮). | [ ]  Đồng ý | [ ]  Không |
| Từ ngày 7 tháng 7 năm 2015 đến ngày 6 tháng 7 năm 2016, quý vị tham gia vào một cam kết thương mại ([[4]](#footnote-5)🕮) phụ thuộc vào nước ngầm trên khu đất mà quý vị dự định lấy nước từ đó. | [ ]  Đồng ý | [ ]  Không |
| Từ ngày 7 tháng 7 năm 2015 đến ngày 6 tháng 7 năm 2016, quý vị thường xuyên ([[5]](#footnote-6)🕮) lấy nước từ một lỗ khoan trên khu đất nơi cam kết thương mại đang diễn ra. | [ ]  Đồng ý | [ ]  Không |
| Từ ngày 6 tháng 7 năm 2016 cho đến khi nộp đơn này, quý vị tiếp tục thực hiện cam kết thương mại đó (🕮) phụ thuộc vào nước ngầm lấy từ khu đất đó. | [ ]  Đồng ý | [ ]  Không |
| Từ ngày 6 tháng 7 năm 2016 cho đến khi nộp đơn này, quý vị thường xuyên lấy nước từ một lỗ khoan trên khu đất đang diễn ra cam kết thương mại. | [ ]  Đồng ý | [ ]  Không |

## Phần 1 - Về người nộp đơn (About the applicant)

|  |
| --- |
| 1. **Ai là người nộp đơn xin giấy phép này? (Who is the applicant for this licence?)**

🛈 Tên của người nộp đơn sẽ xuất hiện trên giấy phép là chủ sở hữu giấy phép.* Cung cấp chi tiết về người hoặc pháp nhân xin cấp giấy phép khai thác nước. Nếu đây là một đơn xin cấp giấy phép của nhiều người, vui lòng cung cấp chi tiết của tất cả những người nộp đơn.
 |
| **Tên người nộp đơn** |  |

|  |
| --- |
| 1. **Người nộp đơn là cá nhân, đồng nộp đơn hay công ty? (Is the applicant an individual, joint applicant or corporation?)**
* Đánh dấu tích (✓) vào câu trả lời phù hợp
 |
| [ ]  **Cá nhân** | [ ]  **Đồng nộp đơn** | [ ]  **Công ty** |

|  |
| --- |
| 1. **Ai là người liên lạc của quý vị cho đơn này? (Who are your contacts for this application?)**
* Cung cấp chi tiết của những người liên lạc chính và phụ của quý vị
 |
|  | **Liên lạc chính** | **Liên lạc phụ** |
| **Tên đầy đủ** |  |  |
| **Địa chỉ bưu điện** |  |  |
| **Số liên lạc** |  |  |
| **Địa chỉ email**🛈 thư từ sẽ được gửi đến email này |  |  |

## Phần 2 - Thông tin khu đất (Property information)

|  |
| --- |
| 1. **Địa chỉ thực tế của khu đất nơi diễn ra cam kết thương mại là gì? (What is the physical address of the property on which the commercial undertaking occurs?)**
* Thông tin này sẽ được sử dụng để hỗ trợ đơn của quý vị bằng cách xác nhận vị trí khu đất nằm trong Khu vực Kiểm soát Nước Nông thôn Darwin.
* Cung cấp chi tiết địa điểm thực tế của khu đất nơi cam kết thương mại đang diễn ra và sẽ lấy nước từ đó.

Không sử dụng địa chỉ đăng ký của một doanh nghiệp hoặc công ty trừ khi đó cũng là địa chỉ thực tế.  |
| **Địa chỉ đường phố**(số/tên/vùng) |  |
| **Số lô đất (Parcel)** |  | **Vị trí/Khu vực** |  |

🗎 Cung cấp bản đồ khu đất xác định rõ:

* khu đất (đường phố gần đó và/hoặc những địa danh nổi bật)
* (các) nhà dân
* diện tích sử dụng cho cam kết thương mại
* các lỗ khoan hiện tại (bao gồm cả số đăng ký lỗ khoan, nếu có thể)

|  |
| --- |
| 1. **Điều nào sau đây mô tả chính xác nhất quyền tiếp cận khu đất mô tả ở trên của quý vị? (Which of the following is the most accurate description of your right to access the land described above?)**
* Đánh dấu tích (✓) vào câu trả lời phù hợp, đính kèm bằng chứng như mô tả.
 |
| Tôi là: | Đánh dấu tích (✓) | 🗎 Bằng chứng được yêu cầu |
| Chủ sở hữu đất | [ ]  | Bản sao giấy chứng nhận quyền sử hữu đất của quý vị  |
| Người chiếm hữu đất hợp pháp ([[6]](#footnote-7)🕮) | [ ]  | Bản sao thẩm quyền của quý vịBản sao văn bản chấp thuận và thời hạn chấp thuận |
| Khác, cung cấp chi tiết | [ ]  | Tài liệu hỗ trợ |

## Phần 3 - Các câu hỏi về cam kết thương mại cần có nước ngầm (Questions about the commercial undertaking requiring groundwater)

|  |
| --- |
| 1. **Tình trạng đăng ký của cam kết thương mại của quý vị là gì? (What is the registered status of your commercial undertaking?)**
* Thông tin này sẽ được sử dụng để xác nhận rằng quý vị đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện về lấy nước ngầm cho một cam kết thương mại. Quý vị phải cung cấp ít nhất một trong các tài liệu đính kèm được liệt kê để hỗ trợ đơn của quý vị.
* Đánh dấu tích (✓) vào câu trả lời phù hợp
 |
| [ ]  **Doanh nghiệp Đăng ký****ABN:** 🗎 Đính kèm một Trích lục Tên Doanh nghiệp còn hiệu lực | [ ]  **Công ty****ACN:** 🗎 Đính kèm một Trích lục Công ty còn hiệu lực của ASIC |
| [ ]  **Không phải là một doanh nghiệp hoặc công ty có đăng ký?**  🗎Cung cấp thông tin để ủng hộ tuyên bố rằng hoạt động của quý vị là một cam kết thương mại |

|  |
| --- |
| 1. **Loại cam kết thương mại nào đang diễn ra trên khu đất? (What type of commercial undertaking currently occurs on the land?)**
* Cung cấp chi tiết về kinh doanh hoặc các hoạt động được thực hiện trong cam kết thương mại đó. Điều này có thể bao gồm: mô tả ngắn gọn về kinh doanh, ước tính diện tích đất được sử dụng thương mại, loại cây trồng, số người được tuyển dụng và ước tính lượng nước sử dụng hàng năm.

Nếu cam kết thương mại đã phát triển theo thời gian, vui lòng đưa vào các chi tiết về thời điểm bắt đầu mỗi giai đoạn phát triển. Nếu quý vị không chắc chắn về một ngày chính xác, vui lòng cung cấp một ngày gần chính xác. |
|  |

🗎 Cung cấp bằng chứng về cam kết thương mại đang diễn ra. Ví dụ bao gồm:

* ảnh chụp về việc sử dụng đất
* chi tiết cây trồng cho từng năm
* lắp đặt hoặc vận hành cơ sở hạ tầng

|  |
| --- |
| 1. **Cam kết thương mại có thay đổi kể từ năm 2016 không? (Has the commercial undertaking changed since 2016?)**
* Đánh dấu tích (✓) vào câu trả lời phù hợp
 |
| [ ]  **Không, cam kết thương mại không thay đổi kể từ năm 2016.** |
| [ ]  **Có, cam kết thương mại đã thay đổi.*** Mô tả chi tiết cam kết thương mại đã thay đổi ra sao. Ví dụ: những thay đổi trong hoạt động kinh doanh, gia tăng sản xuất, điều chỉnh lịch trồng trọt và tưới nước, hoặc phát triển cơ sở hạ tầng.
 |

🗎 Đính kèm ảnh chụp, hoặc hình ảnh về khu đất cho thấy cam kết thương mại trước ngày 6 tháng 7 năm 2016.

Nếu không có sẵn hình ảnh, vui lòng cung cấp bằng chứng hỗ trợ cho các tuyên bố ở trên. Điều này có thể bao gồm: chi tiết kinh doanh và kế hoạch kinh doanh từ năm 2016 đến nay, chi tiết về lắp đặt và vận hành cơ sở hạ tầng được sử dụng trong hoạt động thương mại.

## Phần 4 - Các câu hỏi về việc sử dụng nước ngầm cho cam kết thương mại (Questions about groundwater use for the commercial undertaking)

|  |
| --- |
| 1. **Cần bao nhiêu nước mỗi năm cho cam kết thương mại nêu trên? (How much water is required each year for the above commercial undertaking?)**
* Cung cấp lượng nước tính bằng kilolit hoặc megalit (**[[7]](#footnote-8)🕮)** đề xuất sử dụng cho mỗi năm.
 |
|  |

|  |
| --- |
| 1. **Nước thường được lấy từ (những) lỗ khoan nào cho cam kết thương mại? (What bore(s) was the water routinely taken from for the commercial undertaking?)**
* Thông tin này sẽ được sử dụng để xác nhận nguồn nước được liệt kê trong giấy phép nước và lỗ khoan (**[[8]](#footnote-9)🕮**) có thể lấy nước từ đó.
* Cung cấp chi tiết về tất cả các lỗ khoan lấy nước, bao gồm Số Đăng ký (RN) của lỗ khoan. Nếu lỗ khoan không có RN, vui lòng cung cấp tọa độ GPS của lỗ khoan.
 |
|  |

🗎 Đính kèm một bản sao báo cáo lỗ khoan hoặc bản đồ hoặc sơ đồ vị trí được vẽ theo tỷ lệ thể hiện:

* Ranh giới khu đất với một chỉ báo địa lý điểm Bắc
* Vị trí các lỗ khoan dùng để lấy nước, có cả tọa độ GPS

# Phần 5 - Xác nhận (Acknowledgement)

|  |
| --- |
| 1. **Sổ đăng ký công khai (Public register)**
* Theo điều 95 của Luật, Kiểm soát viên Tài nguyên Nước phải lưu giữ một sổ đăng ký các giấy phép khai thác nước. Sổ đăng ký phải được công khai trên trang mạng của bộ và phải bao gồm:
* tên và địa chỉ của chủ sở hữu giấy phép
* ngày hết hạn của giấy phép
* vị trí khu đất hiện nay đang lấy nước
* lượng nước tối đa có thể được lấy hàng năm
* nguồn nước có thể được lấy.

Kiểm soát viên Tài nguyên Nước cũng sẽ đăng công khai đơn này, mọi tài liệu đính kèm theo đơn và bất cứ giấy phép nào được cấp, trên trang mạng của bộ. |
| Tôi xác nhận rằng thông tin được mô tả ở trên sẽ có sẵn miễn phí trên trang mạng của bộ. | Đồng ý [ ]  | Không [ ]  |
| * Kiểm soát viên Tài nguyên Nước có quyền ngăn chặn thông tin nếu thoả mãn rằng có cơ sở cho việc bí mật thương mại. Quý vị có thể nộp đơn xin giữ lại thông tin bí mật thương mại bằng cách sử dụng mẫu đơn được phê duyệt phù hợp ([[9]](#footnote-10)🕮) có sẵn trên trang mạng của bộ.
 |
| Tôi đã hoàn thành và đính kèm một đơn xin giữ lại thông tin bí mật thương mại. | Đồng ý [ ]  | Không [ ]  |

|  |
| --- |
| 1. **Chấp thuận (Consent)**
 |
| Quý vị có đồng ý tiếp nhận mọi tài liệu liên quan đến đơn này và bất cứ giấy phép nào trong tương lai qua địa chỉ email được cung cấp ở trên không? | Đồng ý [ ]  | Không [ ]  |

|  |
| --- |
| 1. **Tuyên bố (Declaration)**
* Người có thẩm quyền theo pháp luật phải ký vào tuyên bố này. Đối với một giấy phép được cấp dưới tên của từng người trong một công ty hợp danh hoặc đồng nộp đơn, từng thành viên hợp danh hoặc người đồng nộp đơn phải ký vào tuyên bố này.
 |
| Tôi qua đây cam kết rằng với hiểu biết tốt nhất của tôi thông tin được cung cấp trong thông báo này và tài liệu kèm theo là đúng sự thật và chính xác. |
|  | **Người nộp đơn 1** | **Người nộp đơn 2** |
| Tên (chữ in) |  |  |
| Chức danh |  |  |
| Chữ ký |  |  |
| Ngày |  |  |
| Danh mục kiểm tra dành cho người nộp đơn (Applicant checklist)* Xác nhận quý vị đã hoàn thành mẫu đơn này và cung cấp các bằng chứng liên quan dưới dạng tài liệu đính kèm
 |
| **Cho biết số trang đính kèm theo đơn này** |  |
|  |
| **Phần 1 - Chi tiết người nộp đơn** |
| **Câu hỏi 3: Chi tiết liên lạc** | [ ]  |
| **Phần 2 - Thông tin Khu đất** |  |
| **Câu hỏi 5: Vị trí khu đất*** một bản đồ chi tiết về khu đất
 | [ ]  |
| **Câu hỏi 6: Tiếp cận hợp pháp khu đất*** một bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu đất của quý vị thể hiện quý vị là chủ sở hữu khu đất; hoặc
* một bản sao hợp đồng thuê đất hoặc văn bản thỏa thuận của chủ sở hữu đất cho phép tiếp cận khu đất. Một hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê đất phải bao gồm:
	+ được phép ở trên khu đất
	+ được phép thực hiện các hoạt động liên quan đến giấy phép
 | [ ]  |
| **Phần 3 - Cam kết thương mại** |  |
| **Câu hỏi 7: Tình trạng đăng ký*** Trích lục Tên Doanh nghiệp ABN; hoặc
* Trích lục Công ty của ASIC; một bản trích lục phải bao gồm những chức danh lãnh đạo công ty
 | [ ]  |
| **Câu hỏi 8: Bằng chứng về cam kết thương mại*** Ảnh chụp hoặc hình ảnh về khu đất thể hiện hoạt động phụ thuộc vào việc lấy nước ngầm, kể cả trước năm 2016
* Những bằng chứng hỗ trợ có liên quan khác về cam kết thương mại.
 | [ ]  |
| **Câu hỏi 9: Bằng chứng về cam kết thương mại hiện nay*** Ảnh chụp hoặc hình ảnh về sự phát triển (kể từ năm 2016)
 | [ ]  |
| **Phần 4 Sử dụng nước ngầm** |  |
| **Câu hỏi 11: Những lỗ khoan được sử dụng*** Giải trình về các lỗ khoan hoặc các bản đồ chi tiết với tọa độ GPS
 | [ ]  |

1. 🕮 <https://nt.gov.au/page/copyright-disclaimer-and-privacy> [↑](#footnote-ref-2)
2. 🕮 <https://depws.nt.gov.au/consultation-publications/privacy-policy> [↑](#footnote-ref-3)
3. 🕮 **Khu vực Kiểm soát Nước Nông thôn Darwin** nghĩa là một phần vùng Lãnh thổ được Bộ trưởng tuyên bố theo điều 22 của Luật vào ngày 17 tháng 5 năm 1999 và đăng trên *Công báo* số 21 ngày 2 tháng 6 năm 1999. Thông tin thêm có sẵn tại <https://nt.gov.au/environment/water/water-resources-of-the-nt/water-control-districts> [↑](#footnote-ref-4)
4. 🕮 Một **cam kết thương mại** đề cập đến bất cứ kinh doanh hay hoạt động nào được tiến hành nhằm mục đích lợi nhuận. Cam kết thương mại có thể được thực hiện bởi cá nhân, công ty hợp danh hoặc công ty. [↑](#footnote-ref-5)
5. 🕮 **Thường xuyên** đề cập đến việc lấy nước đều đặn từ một lỗ khoan trong hoạt động cam kết thương mại, theo cách có thể dự đoán được. Ví dụ về việc thường xuyên lấy nước có thể bao gồm hoạt động đều đặn tưới nước cho cây trồng hàng năm trong mùa khô, ngay cả khi quý vị không tưới nước trong mùa mưa. [↑](#footnote-ref-6)
6. 🕮 **Người chiếm hữu đất hợp pháp** có thể bao gồm người thuê nhà, người thuê đất hoặc người thuê lại đất [↑](#footnote-ref-7)
7. 🕮 Các đo lường dùng để mô tả **thể tích nước** thường bao gồm Kilôlít (KL) và megalit (ML). Một kilolit bằng 1000 lít và một megalit bằng 1 triệu lít. Để biết thêm thông tin về khối lượng nước, vui lòng tham khảo <https://depws.nt.gov.au/?a=589477> [↑](#footnote-ref-8)
8. 🕮 Tất cả các **lỗ khoan** ở Lãnh thổ phía Bắc phải được đăng ký với cơ quan Tài nguyên Nước. Thông tin về các lỗ khoan có sẵn trên trực tuyến tại [www.nrmaps.nt.gov.au/knowyourbore.html](http://www.nrmaps.nt.gov.au/knowyourbore.html). [↑](#footnote-ref-9)
9. 🕮 Đơn yêu cầu giữ lại thông tin bí mật thương mại có sẵn tại <https://nt.gov.au/?a=705622> [↑](#footnote-ref-10)